TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 756/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Ông Phan Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Phan Trọng Tường **-** *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*****:** Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 500/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trường H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Tấn Phạm Tiểu P, sinh năm: 1979

Địa chỉ: F1/46A1 tổ A, ấp B, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 05/01/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn ông Nguyễn Trường H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường H và bà Tấn Phạm Tiểu P bắt đầu chung sống từ năm 2017, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H làm ăn

không được thuận lợi nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, bà P có những lời lẽ xúc phạm đến gia đình ông H. Ông H và bà P đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tấn Phạm Tiểu P.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông H và bà P có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 22/01/2018. Hiện tại cháu Y đang sống cùng bà P. Khi ly hôn ông H yêu cầu giao con chung cho bà P nuôi dưỡng, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2024.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Tấn Phạm Tiểu P tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Tấn Phạm Tiểu P vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Trường H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Tấn Phạm Tiểu P. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận *"Bà Tấn Phạm Tiểu P, sinh năm: 1979 có thực tế cư trú tại F1/46A1 tổ 3, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh"*. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Trường H vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn bị đơn bà Tấn Phạm Tiểu P đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ đến

lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2017 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trường H và bà Tấn Phạm Tiểu P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã tiến hành tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng có liên quan đến vụ án nhưng không thu thập được, điều này được thể hiện qua công văn số 85/UBND-VP ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và công văn số 2637/UBND ngày 26/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án về xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông H, bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*.

Theo trình bày của ông H thì ông xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông và bà P là về kinh tế, do làm ăn không được thuận lợi nên vợ chồng hay cãi vã, bà P không tôn trọng ba mẹ chồng. Ông và bà P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau. Bà P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của ông H. Điều này cho thấy bà P đã không còn sự quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với ông H, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H. Như vậy, ông H và bà P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở,

phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Ông H và bà P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 22/01/2018. Hiện tại cháu Y đang sống cùng với bà P. Khi ly hôn, ông H yêu cầu giao cháu Y cho bà P nuôi dưỡng, còn bà P vắng mặt, không thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu về con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Y hiện đang sống chung với bà P. Tính đến thời điểm hiện tại thì cháu vẫn còn nhỏ tuổi và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa cháu Y đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ từ khi còn bé. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, tinh thần cho con sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao cháu Nguyễn Ngọc Y cho bà Tấn Phạm Tiểu P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2024.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Tấn Phạm Tiểu P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Trường H chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Trường H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4]. Về tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà P vắng mặt không thể hiện ý kiến của bà về tài sản chung giữa bà và ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của ông H, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.5]. Về nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà P vắng mặt không thể hiện ý kiến của bà về nợ chung giữa bà và ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của ông

H, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Nguyễn Trường H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường H đối với bị đơn bà Tấn Phạm Tiểu P về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường H được ly hôn với bà Tấn Phạm Tiểu P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2017 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 22/01/2018 cho bà Tấn Phạm Tiểu P nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Trường H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2024.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Tấn Phạm Tiểu P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Trường H chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Trường H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Trường H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trường H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Trường H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trường H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0001135 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trường H còn phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

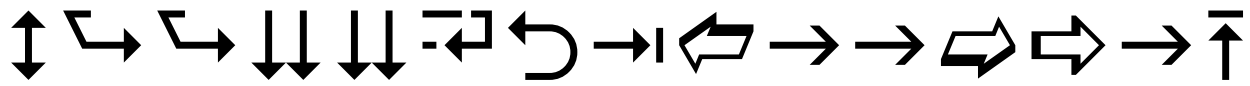
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh (1);
- UBND Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (1) ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Dương



TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ .....phút, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Tại: Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Ông Phan Hoàng Nam

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 487/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trường H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(ông H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Tấn Phạm Tiểu P, sinh năm: 1979

Địa chỉ: F1/46A1 tổ 3, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà P vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tỷ lệ biểu quyết 3/3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường H đối với bị đơn bà Tấn Phạm Tiểu P về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường H được ly hôn với bà Tấn Phạm Tiểu P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2017 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 22/01/2018 cho bà Tấn Phạm Tiểu P nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Trường H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2024.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Tấn Phạm Tiểu P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Trường H chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Trường H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Trường H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trường H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Trường H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trường H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0001135 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trường H còn phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên đã đọc lại biên bản, ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*